TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **465**/2019/HS-ST
Ngày 08 tháng 10 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trung Diễn**

Bà **Nguyễn Thị Nhạn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Kim Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Thế Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 426/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng T** (Tên gọi khác: cu Bơm), sinh năm: 1987 tại Đ;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 300/8, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Nguyễn Văn In (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hương (đã chết).
Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 05 chị em. Bị cáo chưa có vợ con.
Tiền án, tiền sự: không.
Bị bắt ngày 19/6/2019.
Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B *(Bị cáo có mặt).*
- Bị hại:
1. Ông Võ Minh L, sinh năm: 1987 - *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: D167, tổ 4, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.
- Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1989 – *(Có mặt)*
Địa chỉ: khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: 300/8, khu phố 5B, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ là đối tượng không nghề nghiệp.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/6/2019 T đi bộ một mình đến khu vực Chợ Tân Biên thuộc khu phố 5A, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ chờ có người sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, T quan sát thấy tại số nhà B10, khu phố 5A, phường Tân Biên, thành phố B có một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 60B1-840.51 của anh Võ Minh L, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: D167, tổ 4, khu phố 4, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ dựng trước hiên nhà, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi nên đã đi đến, lấy xe lùi ra ngoài đường, mở khóa, nổ máy rồi điều khiển xe chạy ra Quốc lộ 1A. T điều khiển xe đến nhà một người bạn tên Đạt ở đối diện Công viên 30 tháng 4, thành phố B, tỉnh Đ mượn khóa rồi tháo biển số xe sau đó để biển số này ở khu vực Công viên 30 tháng 4 nhưng không nhớ cụ thể để ở chỗ nào. Tiếp đó T điều khiển xe đến nhà một người bạn tên Thắng ở giáo xứ Phúc Lâm, phường Hố Nai, thành phố B, tỉnh Đ mượn tuavit tháo bửng xe ra để người bị hại không nhận ra được tài sản trộm cắp. Sau đó T điều khiển xe về nhà T tại địa chỉ 300/8, khu phố 5B, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ lấy biển số 60F2-614.46 mà T nhặt trước đó gắn vào xe trộm cắp được và sử dụng xe này làm phương tiện đi lại.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/6/2019 anh L phát hiện xe bị mất nên đến Công an phường trình báo đồng thời nói lại sự việc cho anh Nguyễn Văn Vũ, sinh năm 1989, tạm trú: khu phố 1, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ biết. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/6/2019 anh Vũ đi ngang qua nhà T, thấy T đang lau xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, có đặc điểm giống xe của anh L nên đã gọi điện thoại cho anh L đến kiểm tra số khung và số máy trên xe và nhận đúng là xe anh L bị mất nên đã báo Công an phường Tân Biên đến đưa T và chiếc xe về làm việc, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thụ lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 60B1-840.51 (xe không có biển số do sau khi trộm cắp xe thì T đã tháo biển số 60B1-840.51 để biển số ở khu vực Công viên 30 tháng 4, thành phố B, tỉnh Đ nhưng không nhớ cụ thể để ở chỗ nào, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy).

+ 01 (một) biển kiểm soát 60F2-614.46.

Tại kết luận định giá tài sản số 237 ngày 22/6/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố B xác định: xe mô tô hiệu

Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 60B1-840.51, số máy 920556, số khung 920554 có giá trị 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại tài sản cho anh Võ Minh L.

Tại Bản cáo trạng số 427/CT-VKSBH ngày 27 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 06 tháng đến 08 tháng tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 16/6/2019 Nguyễn Hoàng T đã có hành vi trộm cắp tài sản của anh Võ Minh L là một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 60B1-840.51 có giá trị 7.200.000 đồng.

[3] Về tội danh:

Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có điều kiện giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân T tốt, chưa tiền án tiền sự, tài sản đã trả lại cho bị hại, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Về vấn đề khác:

Đối với biển số xe 60F2-614.46 bị cáo khai nhặt được và gắn vào xe mô tô trộm cắp, qua tra cứu tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ được biết của ông Nguyễn Bá Hoàng, sinh năm 1964, hộ khẩu thường trú: 157B/6, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ. Ông Hoàng trình bày khoảng 11 giờ trưa ông không nhớ rõ ngày cuối tháng 10/2018 khi về đến nhà ông dựng xe và đi vào phía trong nhà. Khoảng một phút sau ông đi ra lấy xe đi chợ thì phát hiện xe bị mất. Sau khi xe mất ông có điện thoại báo ông Vinh là Cảnh sát khu vực khu phố 2, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ nhưng không đến Công an phường Tân Biên trình báo. Nay ông yêu cầu Cơ quan Công an làm rõ đối tượng trộm cắp xe của ông vào cuối tháng 10/2018. Quá trình điều tra không chứng minh được Nguyễn Hoàng T là người trộm cắp xe của ông Hoàng do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra giải quyết bằng vụ án khác để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên Đạt ở đối diện Công viên 30 tháng 4, thành phố B, tỉnh Đ và đối tượng tên Thắng ở giáo xứ Phúc Lâm, phường Hố Nai, thành phố B, tỉnh Đ mà Nguyễn Hoàng T khai đã cho T mượn khóa và tuavit để tháo biển số xe và bửng xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xác định được các đối tượng này nên tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[10] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng T 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2019.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ được tống đạt hợp lệ bản án.